

Nghĩa Hành, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
Quý II năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4467/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; QĐ số 110/QĐ-SGDĐT ngày 11/02/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Công văn số 05/NCP ngày 06/01/2025 của Trường THPT Nguyễn Công Phương về việc lập và thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của kế toán trường THPT Nguyễn Công Phương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý II năm 2025 của trường THPT Nguyễn Công Phương theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin, website của trường trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ quản lý, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KT



Nguyễn Xuân Vinh

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương
Chương: 422-074

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-NCP ngày 07 tháng 7 năm 2025
của Trường THPT Nguyễn Công Phương)

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT Nguyễn Công Phương công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách đến hết Quý I/2025 như sau:

ĐVT: Đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	686.000.000		0%	
1	Lệ phí				
2	Phí, học phí	686.000.000		0%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp	686.000.000		13,55%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	686.000.000	92.994.648	13,55%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.696.778.000	2.813.915.145	24,05%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.696.778.000	2.813.915.145	24,05%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.696.778.000	2.813.915.145	24,05%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.440.778.000	2.797.415.145	24,45%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	256.000.000	16.500.000	6,4%	

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương

Mã ĐVQHNS: 1082274

Mã cấp NS: 2



Người ký: Lê Hoài Hương
Ngày ký: 02/07/2025 09:11:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 20 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	256.000.000	0	256.000.000	256.000.000	16.500.000	16.500.000	0	0	0	239.500.000
13	074	00000	100.000.000	11.570.000.000	0	11.340.778.000	11.440.778.000	2.797.415.145	5.364.745.059	0	0	0	6.076.032.941
Cộng:			100.000.000	11.826.000.000	0	11.596.778.000	11.696.778.000	2.813.915.145	5.381.245.059	0	0	0	6.315.532.941
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Hồng Nhung

Người ký: Lê Hoài Hương
Ngày ký: 02/07/2025 09:11:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV

Lê Hoài Hương

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Công Nhi

Nguyễn Xuân Vinh

Người ký: Nguyễn Thị Công Nhi
Ngày ký: 01/07/2025 09:54:32
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương

Người ký: Nguyễn Xuân Vinh
Ngày ký: 01/07/2025 16:59:15
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương



Người ký: Lê Hoài Hương
Ngày ký: 02/07/2025 09:11:39
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 20 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương

Mã ĐVQHNS: 1082274

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.420.550.120	2.826.937.676	1.420.550.120	2.826.937.676
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	29.182.998	72.957.497	29.182.998	72.957.497
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	25.623.000	51.246.000	25.623.000	51.246.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	1.404.000	2.808.000	1.404.000	2.808.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	409.747.572	828.173.970	409.747.572	828.173.970
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	6.669.000	13.338.000	6.669.000	13.338.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	236.679.554	466.369.040	236.679.554	466.369.040
Thưởng thường xuyên	13	074	6201	00000	0	0	63.704.000	63.704.000	63.704.000	63.704.000
Thưởng khác	13	074	6249	00000	0	0	2.844.300	2.844.300	2.844.300	2.844.300
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	6.395.200	6.395.200	6.395.200	6.395.200
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	300.067.271	596.961.221	300.067.271	596.961.221
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	50.875.231	101.771.336	50.875.231	101.771.336
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	22.027.496	55.229.659	22.027.496	55.229.659
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	17.597.832	34.563.201	17.597.832	34.563.201
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	16.170.755	23.131.377	16.170.755	23.131.377

Tiền vệ sinh, môi trường	13	074	6504	00000	0	0	3.786.000	3.786.000	3.786.000	3.786.000
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	15.221.000	15.221.000	15.221.000	15.221.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	074	6552	00000	0	0	3.006.504	5.256.504	3.006.504	5.256.504
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	5.413.152	15.064.892	5.413.152	15.064.892
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000	0	0	427.417	721.443	427.417	721.443
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	2.756.355	3.404.355	2.756.355	3.404.355
Phím ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	534.500	534.500	534.500	534.500
Các khoản thuê mướn khác	13	074	6657	00000	0	0	11.540.000	11.540.000	11.540.000	11.540.000
Chi phí khác	13	074	6699	00000	0	0	6.441.120	6.441.120	6.441.120	6.441.120
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000	0	0	3.000.000	6.000.000	3.000.000	6.000.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	2.186.800	2.186.800	2.186.800	2.186.800
Thuê lao động trong nước	13	074	6757	00000	0	0	0	1.800.000	0	1.800.000
Chi phí thuê mướn khác	13	074	6799	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	28.285.100	28.285.100	28.285.100	28.285.100
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	074	6913	00000	0	0	8.940.000	8.940.000	8.940.000	8.940.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	074	6921	00000	0	0	2.991.768	7.361.768	2.991.768	7.361.768
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	20.123.100	20.123.100	20.123.100	20.123.100
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	62.400.000	62.400.000	62.400.000	62.400.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghệ thuật, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	8.424.000	16.848.000	8.424.000	16.848.000
Cộng:					0	0	2.813.915.145	5.381.245.059	2.813.915.145	5.381.245.059
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Hồng Nhung

Người ký: Lê Hoài Hương
Ngày ký: 02/07/2025 09:11:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV

Lê Hoài Hương

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Công Nhi
Ngày ký: 01/07/2025 09:54:32
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương

Người ký: Nguyễn Xuân Vinh
Ngày ký: 01/07/2025 16:59:15
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Công Phương

Nguyễn Thị Công Nhi

Nguyễn Xuân Vinh